

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

VỐN XÃ HỘI CỦA ĐOÀN THỂ TÔN GIÁO MỸ

LIU BÀNH^(*)

Trong xã hội Mỹ, tập hợp có tính quần chúng rộng lớn nhất là các loại hình giáo hội xuất hiện dưới hình thức đoàn thể tôn giáo, ngoài những ngôi giáo đường với đủ loại kiểu dáng kiến trúc khác nhau, mọc lên ở khắp nơi từ thành phố thị trấn tới làng quê, với dạng thức hữu hình này nó luôn nhắc nhở người ta về sự tồn tại rộng lớn của tôn giáo ở nước Mỹ, bên cạnh đó, nó còn nhắc người ta nghĩ đến một nguồn vốn quan trọng mà giáo hội thực sự có trong tay, đó là nguồn vốn xã hội, nó không nhìn thấy nhưng không thể nào đo lường hết được.

1. Sự hình thành vốn xã hội

Vốn xã hội là một loại nguồn vốn đặc thù, không có hình thù, không phải là tập hợp những tiền bạc của cải theo ý nghĩa kinh tế học, cũng không phải là tập hợp những vật phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ thị trường trong thương nghiệp, nhưng nó làm cho lòng tin, tình đoàn kết, sự tương tác, và những chuẩn mực hành vi, v.v... được cụ thể hóa, hiện thực hoá; nó thông qua mạng lưới xã hội tiềm tàng được tạo bởi các gia đình, các thành viên trong nhóm, bạn bè, những người hợp tác, những người láng giềng, v.v... có thể bảo đảm một cách hữu hiệu cho sự phát triển lành mạnh của kinh tế, xã hội. Đối với cá nhân mỗi người mà nói, vốn xã hội hết sức quan trọng, nó là nguồn vốn không

thể thiếu, bảo đảm cuộc sống bình thường của con người. Vốn xã hội có thể xem là một hệ thống mạng lưới các quan hệ tác động tương hỗ với nhau một cách chính thức hoặc không chính thức trong xã hội hoặc trong khu vực, hội nhóm. Hệ thống này bao gồm sự tiếp xúc và sự giao lưu trực diện giữa người này với người kia, và bao gồm cả quan hệ và lòng tin lẫn nhau do các thành viên giao lưu mang lại. Nhà chính trị học Mỹ Robert D. Putnam cho rằng vốn xã hội là giá trị của một địa phương đối với cư dân sống ở đó, do các mối quan hệ cơ sở của địa phương tạo thành, nó xuất phát từ sự tình nguyện phục vụ và sự tham gia trực tiếp của công dân⁽¹⁾. Vốn xã hội nhấn mạnh hệ thống mạng lưới và quy phạm đạo đức về sự tin cậy lẫn nhau và hài hòa xã hội, nó có thể mang lại rất nhiều nguồn vốn tiềm tàng để giải quyết được những vấn đề giáo dục, thất nghiệp, ngăn chặn tội phạm và ma túy, và đến cả những vấn đề lớn hơn như môi trường sinh thái. Khi kết hợp vốn xã hội và vốn nhân lực (với giáo hội, vốn nhân lực lớn nhất là tín đồ), người ta có thể xây dựng nên nếp sống văn minh cộng đồng, giải quyết được một số vấn đề chung của xã hội.

*. Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu Hoa Kỳ, Viện KHXH Trung Quốc.

1. Robert D. Putnam. Making Democracy Work: Civic Traditions in Modern Italy (Princeton University Press, 1993) pp. 152~162.

Với tư cách là trung tâm mạng lưới xã hội quan trọng nhất trong xã hội, đoàn thể tôn giáo là người chiếm hữu lớn nhất vốn xã hội Mỹ. Đoàn thể tôn giáo thông qua tổ chức tín đồ tôn giáo cùng tiến hành hoạt động, dần dần khiến cho giáo hội trở thành nơi tụ hội vốn xã hội phổ biến nhất và cũng là thuận tiện nhất trong xã hội Mỹ. “Gọi là giáo hội chính là muốn nói đến con người”, “nó không phải muốn nói đến những công trình kiến trúc, thậm chí cũng không phải muốn nói đến một tổ chức, mà nó muốn nói đến những mối quan hệ giữa con người ta với nhau”⁽²⁾. Nếu đề ý đến một hiện thực, ở Mỹ có hơn 90% người Mỹ nói mình tin Chúa, có 30 vạn giáo hội và hơn 2.000 tổ chức giáo phái, có số người Mỹ tham gia hoạt động tôn giáo nhiều hơn số người tham gia hoạt động ở bất cứ tổ chức nào khác trong xã hội Mỹ, thì bất cứ ai cũng không thể không nhận thấy sức mạnh của tổ chức phi chính phủ có nguồn vốn to lớn này trong xã hội Mỹ⁽³⁾.

Vậy thì, giáo hội làm thế nào để trở thành “trung tâm mạng lưới” của xã hội Mỹ? Điều này có quan hệ trực tiếp đến tình hình nước Mỹ, vốn là quốc gia được hình thành từ những dân di cư từ nơi khác đến. Trong lịch sử buổi ban đầu của nước Mỹ, những người dân di cư đầu tiên đến nước Mỹ duy chỉ có thông qua tôn giáo mới có thể giữ lại được văn hóa và truyền thống của mình, mới có thể hòa nhập vào xã hội. Đạo đức và quan niệm giá trị, mối quan hệ xã hội, sự hợp tác và tín nhiệm giữa mọi người với nhau, sự trao đổi và giúp đỡ giữa các hội đoàn, sự kế thừa truyền thống văn hóa của người dân di cư, v.v... tất thảy đều được thực hiện thông qua mạng lưới giáo hội và lấy giáo hội làm hạt nhân. Trong khi giúp đỡ các cá nhân, giáo hội đồng thời cũng đã cung cấp cho cơ sở địa phương hàng loạt những người hoạt động tình nguyện, lực lượng phục vụ từ thiện xã hội, những người có khả năng lãnh đạo, và cả những người tham gia bầu cử, v.v... Thông qua giáo hội, quan niệm giá trị truyền thống

và những chuẩn mực đạo đức được phát triển, thỏa mãn được nhiều nhu cầu của các cá nhân và của địa phương. Trải qua sự phát triển lâu dài, giáo hội với phương thức hết sức tự nhiên này dần dần đã biến thành trung tâm mạng lưới xã hội chủ yếu nhất trong dân gian, trở thành cơ sở quan trọng của vốn xã hội. Hàng triệu triệu người dân Mỹ thuộc các loại đoàn thể tôn giáo khác nhau, bất luận là hoàn cảnh kinh tế xã hội của họ như thế nào, khi họ tham gia vào tổ chức tôn giáo và hoạt động tôn giáo, thì đồng thời một mặt họ đã nhận được sự giúp đỡ hết sức cụ thể từ giáo hội, đặc biệt là có được cái cảm nhận về sự yên ổn an toàn và sự an ủi về mặt tinh thần, một mặt khác chính hoạt động của họ cũng làm lớn mạnh thêm vốn xã hội cho giáo hội.

Thực hành hoạt động tôn giáo hoặc tham gia vào tổ chức tôn giáo, với người Mỹ mà nói, ngoài những người có nhu cầu về thần học tôn giáo hoặc tín ngưỡng theo tinh thần của bản thân giáo lý ra, còn đa số là suy nghĩ về tác dụng thực tế hết sức đặc biệt mà giáo hội có thể phát huy được trong đời sống hàng ngày của tín đồ. Giáo hội lập ra các hội đoàn và đặc biệt là triển khai các hoạt động phục vụ xã hội, tạo nơi ăn chốn ở cho những người vô gia cư, mở các lớp học, lập các ban đàn hát, giúp đỡ những người dân di cư mới đến, v.v... Những hoạt động do giáo hội tổ chức hay

2. Xem: Sara Terry. “Resurrecting Hope,” The Boston Globe Magazine (July 17, 1994), p.22.

3. Lưu Bành. “Tôn giáo Mỹ đương đại”, Nxb. Văn hiến KHXH, Bắc Kinh, 2001, tr. 1.

cổ vũ này đã làm cho nhiều người cải thiện được hoàn cảnh cuộc sống nhỏ bé của cá nhân mình. Với một khu vực mà nói, giáo hội là trung tâm của khu vực, là con đường tốt nhất thu gom được nguồn vốn xã hội, là nơi nuôi dưỡng niềm hứng thú giao lưu tiếp xúc, giữ gìn quy tắc và học tập rèn luyện kỹ năng trong cuộc sống. Người tín đồ thông qua tham gia các hoạt động tôn giáo, thông qua giáo hội mà học tập được cách phát biểu, cách diễn giảng trước đông người, cách tổ chức hội nghị, cách giải quyết mâu thuẫn chia rẽ, cách đảm đương công việc quản lý như thế nào; họ học được cách quan hệ giao tiếp với nhau, từ đó mà có được cơ hội tham gia hoạt động xã giao có liên quan đến tôn giáo nhiều hơn, trên phạm vi rộng lớn hơn. Kết quả của việc tham gia các hoạt động này thường dẫn đến việc các tín đồ tham gia vào các loại tổ chức và hoạt động có tính cách phi tôn giáo rộng rãi hơn (ví dụ các hoạt động mang tính chất chính trị như bầu cử, v.v...), và cũng có được nhiều mối quan hệ xã hội hơn⁽⁴⁾.

Nước Mỹ đã từng có cuộc điều tra 22 đoàn thể quần chúng tình nguyện thuộc các loại hình khác nhau như là hiệp hội nghề nghiệp, hội những người cùng sở thích, tổ chức quân nhân thoái ngũ, nhóm tương trợ nhau, câu lạc bộ thể thao, câu lạc bộ phục vụ, v.v... Kết quả cho thấy, thành viên các tổ chức tôn giáo tích cực hăng hái nhất tham gia các hoạt động xã hội dưới nhiều hình thức khác nhau như là đi bỏ phiếu bầu cử, làm bồi thẩm viên, tham gia các công việc của địa phương, gặp gỡ tiếp xúc với láng giềng, hoặc quyên góp từ thiện⁽⁵⁾. Còn có cuộc điều tra yêu cầu người được hỏi liệt kê ra số những người mà họ đã gặp trực tiếp và nói chuyện trong một ngày, kết quả phát hiện thấy những tín đồ tôn giáo dễ dàng đưa ra số người mà họ đã giao tiếp hàng ngày. Những người định kỳ đến nhà thờ, thì số người gặp và giao tiếp trong một ngày thường nhiều hơn những người khác, bình quân nhiều hơn 40%⁽⁶⁾.

Những cuộc điều tra này cho thấy, tôn giáo cũng giống như giáo dục, đều rất có hiệu lực liên kết các loại hoạt động xã hội lại với nhau, làm cho những người tham gia hoạt động tôn giáo có thể kết giao được với nhiều người khác, trong khi sử dụng vốn xã hội thì đồng thời cũng sáng tạo ra càng nhiều vốn xã hội hơn.

Một nguyên nhân khác khiến cho nhiều người tham gia tổ chức tôn giáo và tích cực hoạt động trong giáo hội, đó là môi trường dân chủ trong nội bộ giáo hội và sự bình đẳng của các thành viên mà giáo hội mang lại. Ví dụ, với những phụ nữ da màu và nghèo khổ mà nói, giáo hội là nơi rất quan trọng để họ được bồi dưỡng các kỹ năng như viết thư, tham gia những quyết sách trong các hội nghị, chuẩn bị và chủ trì hội nghị, phát biểu diễn giảng trước đông đảo mọi người ở nơi công cộng, v.v... Mặc dù họ cũng có thể học tập được các kỹ năng này từ nơi công tác của mình hoặc ở các đoàn thể phi tôn giáo khác, nhưng các đoàn thể phi tôn giáo thường muốn thu hút những thành viên da trắng và những người ở tầng lớp trung và thượng lưu, từ đó càng làm tăng thêm sự bất bình đẳng về quyền lợi. Chỉ có trong đoàn thể tôn giáo, phụ nữ, dân di cư, người da màu và người nghèo mới có cơ hội bồi dưỡng vốn nhân lực của mình,

4. Xem Robert d. Putnam, *Bowling Alone. The Collapse and Revival of American Community* (Simon & Schuster, 2000), p. 66.

5. Xem: Putnam's analysis of 1996 National Election Study.

6. Xem: Putnam's analysis of a Scripps Howard/Ohio University National Survey of Interpersonal Communication, June 1997.

đạt được kỹ năng cần thiết để chuẩn bị tham gia chính trị. Bởi vậy, tôn giáo là nơi rất quan trọng phản đối sự bất bình đẳng trong tham gia các hoạt động xã hội ở Mỹ, tôn giáo bằng cái vốn xã hội mà mình có được đã tạo điều kiện thực hiện “dân chủ tham gia hoạt động xã hội” cho những đoàn thể quần chúng yếu thế không có một chút đặc quyền kinh tế⁽⁷⁾.

Đặc điểm này của tổ chức tôn giáo là hết sức quan trọng đối với giáo hội người da đen. Trong lịch sử nước Mỹ, tổ chức giáo hội từ xưa đến nay đều là nơi trung tâm vốn xã hội và nơi công dân tham dự hoạt động xã hội trong khu vực người da đen. Giáo hội là tổ chức xã hội lâu đời nhất có sức sống mạnh mẽ nhất trong cộng đồng người da đen nước Mỹ, là tổ chức xã hội của người da đen duy nhất do “người da đen quản lý”, đã từng bị áp bức trong lịch sử nước Mỹ. Bất luận ở giai tầng xã hội nào, người Mỹ gốc Phi có tín ngưỡng tôn giáo cũng thành kính kiên trung hơn những người khác. Truyền thống tôn giáo của người da đen cổ vũ sự hòa hợp của các loại tôn giáo và rất quan tâm đến các công việc ở địa phương. Trong thời gian từ phong trào cấm rượu và xóa bỏ chế độ nô lệ ở thế kỉ XIX đến phong trào dân quyền và bảo hộ quyền sống ở thế kỉ XX, hoạt động giáo hội của người da đen có liên quan mật thiết với hoạt động xã hội, một trong những nguyên nhân của nó là ở chỗ giáo hội đã tạo cơ hội giao tiếp độc nhất vô nhị và cơ hội tham gia vào xã hội một cách bình đẳng cho người da đen⁽⁸⁾.

Một nhà phân tích có ảnh hưởng trong thời kì vận động dân quyền đã chỉ ra rằng: “Giáo hội người da đen là trung tâm tổ chức của phong trào dân quyền hiện đại... giáo hội cung cấp cơ sở quần chúng có tổ chức; và cả những cơ sở tụ họp để cùng nhau bàn bạc chiến lược chiến thuật đấu tranh”⁽⁹⁾.

Nhà xã hội học tôn giáo người Mỹ, Eric Lincoln cũng có những quan điểm tương tự. Ông cho rằng: “Cũng giống như mặt phát

huy tác dụng tôn giáo, giáo hội người da đen còn là ngọn nguồn văn hóa của người da đen Mỹ, là quán quân của tự do và tiêu chí của văn minh, có vai trò lịch sử là giảng đường học thuật, trường học âm nhạc, diễn đàn công cộng, trung tâm phục vụ xã hội, học hội chính trị và ủng hộ tài chính”⁽¹⁰⁾.

Thực ra, vốn xã hội mà giáo hội tạo ra cho tín đồ không chỉ hạn chế ở đáp ứng nhu cầu được tham gia hoạt động xã hội, nhu cầu được giao tiếp hay nhu cầu được bồi dưỡng kỹ năng. Giáo hội với tư cách là một tổ chức xã hội đặc thù, có thể từ tinh thần và tình cảm đồng thời thỏa mãn

7. Xem: Cnaan, Boddie and Yancey. “*Bowling Alone But Serving Together*,” in Smidt, ed., *Religion as Social Capital: Producing the Common Good* (Baylor University, 2003), p.23.

8. Xem: Fredrick C. Harris. *Something within: Religion in African American Political Activism* (New York: Oxford University Press, 1999), esp. pp.59,63~64; C. Eric Lincoln and Lawrence H. Mamiya. *The Black Church in the African American Experience* (Durham, N.C.: Duke University Press, 1990); Mary Pattillo McCoy, “Church Culture as a Strategy of Action in the Black Community,” *American Sociological Review*, Vol.63 (December 1998), pp.767~784. Nhiều phân tích về tôn giáo Mỹ khác nữa xin xem *The General Social Survey, National Election Study, Roper Social and Political Trends Surveys, and DDB Needham Life Style Archives*, và *Verba, Schlozman, and Brady, Voice and Equality*.

9. Xem: Aldon D. Morris. *The Origins of the Civil Rights Movement: Black Communities Organizing for Change* (New York: Free Press, 1984), p.4; McAdam, *Freedom Summer*; Doug McAdam, *Political Process and the Development of Black Insurgency 1939~1970* (Chicago: University of Chicago Press, 1982).

10. Xem: C. Eric Lincoln. “*The Black Church and Black Self Determination*” (paper presented at annual meeting of Association of Black foundation Executives, Kansas City, Missouri, April 1989).

những nhu cầu về “ý nghĩa sự sống”, “tình yêu” và “giá trị của mình”. Những nhu cầu này là động lực quan trọng để con người duy trì sự sống và tham gia hoạt động xã hội. Nhiều người cho rằng chỉ có trong tổ chức tôn giáo mới tìm được ý nghĩa cuộc sống. “Tôn giáo có thể mang lại cho cá nhân hay hội đoàn tình cảm hòa đồng và nguồn cội của bản thân mình”⁽¹¹⁾. Đoàn thể tôn giáo còn có thể thường xuyên đem đến ý nghĩa cuộc sống và tình bằng hữu của cộng đồng cho mỗi cá nhân⁽¹²⁾.

Bởi vậy, tham gia đoàn thể tôn giáo không chỉ là để đi tìm ý nghĩa của “linh hồn”. Nó tựa như là bối cảnh và gợi hứng để người ta sáng tạo ra một hoàn cảnh xã hội, làm cho nó được tổ chức thành nhiều hình thức đoàn thể nhỏ. Thuộc vào một đoàn thể tôn giáo nào đó có nghĩa là đã thuộc vào một mạng lưới quan hệ xã hội. Việc tham gia hoạt động xã hội của đoàn thể tôn giáo đã mang lại cho các thành viên của nó nhiều cơ hội đồng cảm với các đoàn thể tôn giáo khác trong khu vực, tuân thủ quy phạm đạo đức và cùng chia sẻ hoạt động và nguồn vốn với các thành viên khác. Song vì họ tham gia công tác phục vụ xã hội, nhiều thành viên đã có nhiều cơ hội làm việc và giao tiếp với những người ngoài đoàn thể tôn giáo của mình.

Chính là thông qua những mô thức tương chừng rất đơn giản nhưng diễn ra liên tục không ngừng nghỉ này mà đoàn thể tôn giáo đã mở rộng được vốn xã hội của mình. Với giáo hội, sự tăng trưởng của vốn xã hội là một quá trình tích tụ kiểu phát tán của mạng lưới quan hệ con người từ cá thể đến đoàn thể nhỏ rồi đến cả quần thể. Trong quá trình này, ngày càng có nhiều người phát hiện mình có nhu cầu được sinh hoạt trong nhóm nhỏ bé với quan hệ thân thiết và tình cảm chân thành. Cái đoàn thể nhỏ bé này có thể thực sự hiểu họ, chia sẻ buồn vui với họ, trao đổi những quan niệm giá trị với họ, giải bày tình cảm yêu thương, khiến cho họ không

cảm thấy cô độc, không cảm thấy xa lạ cách ngăn với những người láng giềng trong khu vực. Loại nhu cầu này không có gì đặc biệt, nhưng không thể mua ở đâu được, - chính phủ, xí nghiệp, các đoàn thể phi tôn giáo quy mô lớn thì không chú ý đến điểm này. Duy nhất có tổ chức tôn giáo đáp ứng loại nhu cầu này với những phương thức rất linh hoạt. Trụ cột của tổ chức tôn giáo là giáo hội cơ sở, cơ sở của giáo hội là bao gồm rất nhiều các đoàn thể nhỏ. Tôn giáo quan tâm đến mỗi một cá thể sinh mạng, cái quan trọng hơn cả là, sự quan tâm của tôn giáo đối với mỗi cá thể không phân biệt chủng tộc, giới tính, tuổi tác; không có điều kiện chính trị, thương nghiệp hoặc phương diện chuyên nghiệp gì khác. Đối với mỗi người bình thường không có tài sản gì đặc biệt mà nói, cách thức đơn giản và hữu hiệu nhất gắn bó mình với người khác, với xã hội để được sống yên ổn vui vẻ và được giúp đỡ khi khó khăn, thì không gì bằng gia nhập vào giáo hội hoặc lệ thuộc vào một đoàn thể nhỏ bé nào đó của tổ chức giáo hội.

Học giả Mỹ Robert Wuthnow đã từng tiến hành một cuộc điều tra các nhóm nhỏ trong tổ chức tôn giáo, ông phát hiện thấy, trong những người mà ông điều tra,

11. Xem: Joseph, M. V. “*The Religious and Spiritual Aspects of Clinical Practice: A Neglected Dimension of Social Work*,” *Social Thought*, Vol. 13, no. 1, 1987, p.17.

12. Cnaan, Boddie and Yancey. “*Bowling Alone But Serving Together*”, in Smidt, ed., *Religion as Social Capital: Producing the Common good*, p.25.

4/10 số người là thuộc vào một đoàn thể nhỏ nào đó, họ định kỳ tụ họp, ủng hộ và giúp đỡ cho các thành viên của mình⁽¹³⁾. Trong số những thành viên được điều tra, 1/4 số người thuộc về đoàn thể cầu nguyện hoặc nhóm tra cứu kinh thánh, 1/4 số người khác là thành viên của các lớp học chủ nhật. Một nửa số còn lại có thể được gọi là các nhóm tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, thường gặp là các nhóm câu lạc bộ đọc sách, nhóm cùng sở thích, nhóm hoạt động thể dục thể thao, v.v...⁽¹⁴⁾

Trong các nhóm nhỏ người ta cũng cảm nhận được tình cảm quan tâm săn sóc rất rõ rệt. Theo kết quả điều tra, 82% số người không còn cảm thấy cô độc vì có đoàn thể nhỏ của mình; 72 % số người nói họ được đoàn thể động viên khi gia đình họ có người thân mất; 43% số người nói đoàn thể đã giúp đỡ họ vượt qua khủng hoảng về tâm lý tình cảm. Những đoàn thể này vẫn là cái kênh để các thành viên biểu thị sự quan tâm tình cảm yêu mến của họ đối với người khác. Trên thực tế, 74% số người đã từng giúp đỡ bạn bè trong đoàn thể của mình, 62% số người đã từng cùng với đoàn thể của mình giúp đỡ người ở bên ngoài⁽¹⁵⁾. Vì tham gia hoạt động trong các đoàn thể, 56% số người nói họ đã trở nên quan tâm hơn đến hòa bình và công lý xã hội, 45% số người có quan tâm hơn đến sự kiện xã hội và chính trị; 43% số người bắt đầu tham gia công tác tình nguyện ở khu vực mình sinh sống, 40% số người đã thay đổi cách nhìn đối với một số sự kiện xã hội và chính trị, 12% số người được cổ vũ tham gia hội họp chính trị hoặc làm công tác bầu cử. Các thành viên của các đoàn thể tôn giáo nhỏ càng dễ dàng tham gia vào các ban hay các hội đồng khác, và phát huy tác dụng lãnh đạo trong giáo hội⁽¹⁶⁾.

Lòng trung thành với đức tin được hình thành trong sinh hoạt hội đoàn của các thành viên tổ chức tôn giáo, cũng sẽ phát huy tác dụng trong lĩnh vực xã hội và kinh tế bên

ngoài tôn giáo. Nó có thể bồi dưỡng quan niệm giá trị cho mọi người và ảnh hưởng đến cách nhìn đối với nhiều vấn đề của mọi người, chẳng hạn như là phải đối xử với vấn đề hôn nhân và gia đình như thế nào; phải nhìn nhận giá trị của tiền bạc và của cải vật chất như thế nào; phải lí giải ý nghĩa của cuộc sống và công việc như thế nào, v.v... Những người tích cực tham gia hoạt động đoàn thể có thể được sự ủng hộ về mặt xã hội và tinh thần, từ đó có khả năng xử lí tốt hơn những áp lực phải đối diện trong đời sống và sự nghiệp. Khi gặp vấn đề gì, rất nhiều người trong số họ có thể từ góc độ của quan niệm giá trị, họ sẵn sàng vứt bỏ những suy tư cá nhân, đưa ra quyết định phù hợp với đạo đức tôn giáo.

Xét về quy mô tổ chức, những hội đoàn tôn giáo nhỏ bé rõ ràng là không đáng kể gì. Nhưng nếu xem tôn giáo là một dòng sông lớn cuộn cuộn chảy không ngừng nghỉ, thì các đoàn thể tôn giáo nhỏ bé này chính là những con suối tạo nên dòng sông lớn ấy, còn các tín đồ là những hạt nước trong muôn vàn những khe suối ngang dọc chằng chịt rách ngày đêm trên mảnh đất này. Lực lượng của tổ chức tôn giáo nước Mỹ chính là ở chỗ đã hội tụ lại được vô số những hạt nước nhỏ bé phân tán ấy, làm cho nó trở thành những

13. Xem: Robert Wuthnow. *Sharing the Journey: Support Groups and American's New Quest for Community* (New York: Free Press, 1994).

14. Xem: Robert Wuthnow. *Christianity and Civil Society: The Contemporary Debate* (Trinity Press International, 1966), p. 35.

15. Robert Wuthnow. *Christianity and Civil Society: The Contemporary Debate*, p. 36.

16. *Ibid.*, pp.37 ~ 38.

dòng chảy vừa mạnh mẽ vừa ngày càng nhiều hơn, lớn hơn, để cuối cùng làm nên dòng sông vô cùng rộng lớn. Sự mạnh hay yếu, nhiều hay ít vốn xã hội của tổ chức tôn giáo phần lớn quyết định ở năng lực tập hợp thu hút của nó đối với “những hạt nước nhỏ bé” ấy.

2. Sự sử dụng và tăng trưởng của vốn xã hội.

Vốn xã hội khác với các loại vốn khác, đặc điểm của nó là sử dụng càng nhiều, sự tăng trưởng càng nhiều, sự thu hoạch của người sử dụng cũng càng nhiều. Tổ chức tôn giáo nắm giữ nguồn vốn xã hội không hề không phải chủ yếu đem nguồn vốn đó đi cạnh tranh hoặc chống đối lại với chính phủ hoặc xí nghiệp thương mại, mà là tìm cách tốt nhất để thể hiện những giá trị của mình bằng cách ra sức phục vụ xã hội và làm từ thiện. Trong khi ra sức hấp thụ chất dinh dưỡng từ trong xã hội và quản chúng để phát triển tôn giáo, đoàn thể giáo hội đồng thời vẫn luôn luôn dùng phương thức tích cực nhất để thể hiện trách nhiệm xã hội và sự chăm lo cho xã hội của mình, địa vị và giá trị của tôn giáo trong xã hội Mỹ gắn bó chặt chẽ với những cống hiến to lớn và đặc biệt coi trọng sự nghiệp từ thiện của họ. Đây là một phương thức độc đáo sử dụng vốn xã hội của đoàn thể tôn giáo.

Đối với những người Mỹ rất chuộng thực tế mà nói, một tổ chức tôn giáo nếu chỉ hạn chế hoạt động của mình ở trong giáo đường, định vị ở trong phạm vi thuần túy tôn giáo, tổ chức như vậy thì chắc chắn không có sức sống, không có tiền đồ, sự tồn tại của nó cũng không có ý nghĩa. Mỗi một giáo hội, mỗi một tổ chức tôn giáo, mỗi một lãnh tụ tôn giáo đều hiểu rất rõ điều này. Bởi vậy, các giáo phái ở nước Mỹ, bất luận lớn nhỏ, đều coi việc triển khai công tác phục vụ xã hội và hoạt động từ thiện là thiên chức của mình, xem phục vụ xã hội là để phát huy và mở rộng ảnh hưởng của mình trong xã hội, xem đó là một con đường chủ yếu nhất, có hiệu quả nhất thể hiện giá trị

thân của mình, cho nên dốc toàn bộ tâm sức vào hoạt động đó. Đoàn thể tôn giáo và giáo hội thông qua mạng lưới tổ chức rộng lớn của mình đã trung tâm tập có hiệu quả nguồn nhân lực vật lực trong xã hội, và dùng nó để thỏa mãn nhu cầu của xã hội, đặc biệt là quần thể những người yếu kém. Đông đảo những người khi tiếp nhận sự phục vụ xã hội của đoàn thể tôn giáo, thì đồng thời cũng bằng nhiều phương thức đã tích cực tham gia và ủng hộ hoạt động phục vụ xã hội của giáo hội, từ đó đã hình thành một cách rất hữu hiệu vòng tuần hoàn lành mạnh và mô thức tăng trưởng vốn xã hội của tổ chức tôn giáo.

Trong mô thức này, giáo hội và đoàn thể tôn giáo trước tiên phải thu hút nguồn vốn, đây là cơ sở tự thân phát triển của giáo hội và đoàn thể tôn giáo. Phương thức chủ yếu thu hút nguồn vốn là liên tục triển khai kêu gọi quyên góp và chiêu mộ những người hoạt động tình nguyện trong nội bộ giáo hội, đoàn thể tôn giáo và xã hội. Những khoản quyên góp được và những người tình nguyện chiêu mộ được một bộ phận dùng vào việc phát triển tôn giáo của bản thân giáo hội và đoàn thể tôn giáo, số còn lại do tổ chức tôn giáo sau khi đã tập hợp điều chỉnh, kết hợp nguồn vốn trong mạng lưới tổ chức của mình và truyền thống lịch sử của việc triển khai phục vụ xã hội, mà đầu tư vào các hạng mục sự nghiệp công ích từ thiện, đây chính là cách sử dụng vốn xã hội của đoàn thể tôn giáo.

Theo thống kê, hội đoàn tôn giáo của nước Mỹ hàng năm chi tiêu cho hoạt động phục vụ xã hội khoảng 15 tỉ ~ 20 tỉ USD. Năm 1998, 60% giáo phái giáo hội toàn quốc (trong các giáo hội lớn số giáo phái tham gia càng nhiều) tuyên bố thực hiện các hạng mục phục vụ xã hội, xây dựng khu dân cư hoặc tổ chức khu phố. Trong đó, 33% thành viên giáo hội ủng hộ lương thực cho người nghèo đói, 18% người ủng hộ nhà ở nhân đạo. Tuyệt đại đa số (93%) các giáo hội thành thị có lịch sử lâu đời đã thực hiện các hạng mục phục vụ xã hội ở

khu dân cư, như xây dựng nhà cung cấp thực phẩm, lập các tổ tự giúp đỡ lẫn nhau và tổ

những hoạt động phục vụ này có đến 80% đều không phải là thành viên của những giáo hội này⁽¹⁷⁾.

Ngày nay, phục vụ xã hội của tôn giáo nước Mỹ, có thể nói đã đạt đến mức rất rộng khắp, không ở đâu không có, không lĩnh vực nào không tham gia. Trong các lĩnh vực như xóa đói giảm nghèo, phát triển và cải tạo khu dân cư, phòng chống tội phạm, giúp đỡ di dân nạn dân, giúp đỡ con em dân tộc thiểu số, viện trợ y tế giúp chữa trị bệnh tật, phản đối tệ nghiện rượu, nghiện hút ma túy, phát triển văn hóa và giáo dục, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em, chăm sóc người già, bảo vệ môi trường, giúp đỡ những người vô gia cư, v.v... tổ chức từ thiện đều đã phát huy tác dụng vô cùng quan trọng, là đội quân chủ lực hàng đầu chiến đấu giải quyết vấn đề xã hội trong các loại lực lượng xã hội ở nước Mỹ. Trong tất cả những hoạt động từ thiện này, phục vụ cơ bản nhất thường xuyên nhất của tổ chức tôn giáo là cứu tế giúp đỡ người nghèo đói. Mặc dù nước Mỹ là quốc gia phát triển nhất trên thế giới hiện nay, tế bản vẫn luôn luôn là trọng điểm phục vụ xã hội của tổ chức tôn giáo nước Mỹ. Ví dụ, năm 1999, kế hoạch “Tín ngưỡng với gia đình” do giáo hội phái Phúc Âm Tin Lành Mỹ phát động đã giúp đỡ rất nhiều gia đình Mỹ ở các bang Mississippi, Louisiana, Nam Carolina và Indiana, v.v...⁽¹⁸⁾ Với tư cách là lực lượng trung kiên trong xã hội công dân, tổ chức giáo hội đã phát huy tác dụng quan trọng trong cuộc đấu tranh chống đói nghèo.

Phục vụ từ thiện xã hội của đoàn thể tôn giáo cũng đã thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của cơ cấu hoạt động từ thiện trong xã hội dân sự Mỹ. Lập nên các tổ chức từ thiện vốn là truyền thống của đoàn thể tôn giáo, đầu thế kỉ XX, hầu như tất cả các giáo phái đều lập ra các tổ chức từ thiện của mình. Hiện nay, phục vụ xã hội mà các tổ chức từ thiện của

chức các hoạt động văn nghệ vui chơi trong ngày nghỉ, v.v... những người thụ hưởng đoàn thể tôn giáo triển khai gồm các phương diện của nhu cầu xã hội như là tế bản, y tế vệ sinh, giáo dục, viện trợ xã hội và gia đình, tư vấn pháp luật, phục vụ khu dân cư, viện trợ quốc tế, v.v... “Ở nước Mỹ, trong các loại tổ chức đoàn thể muôn hình muôn vẻ ấy, đại thể khoảng một nửa thành viên có quan hệ với tôn giáo; một nửa số hoạt động từ thiện tư nhân có sắc thái tôn giáo; một nửa số hoạt động công ích là do tổ chức tôn giáo thực hiện”⁽¹⁹⁾. Đây cũng là một đặc sắc của xã hội dân sự Mỹ.

17. Xem: Mark Chaves. “*Religious Congregations and Welfare Reform: Who Will Take Advantage of Charitable Choice?*” American Sociological Review, Vol. 64, 1999, pp.836-846, và Mark Chaves, *Congregations Social Service Activities* (Washington, D. C.: The Urban Institute, Center on Nonprofits and Philanthropy, 1999).

18. Xem: Amy L. Sherman. “*Kỳ tích nhỏ: Giáo hội hướng ứng cải cách phúc lợi như thế nào?*”, “Giao lưu”, năm 2000, số 1.

19. Robert D. Putnam. *Bowling Alone: The Collapse and Revival of American Community* (New York, Simon & Schuster, 2000), pp.66.

Theo nghiên cứu của học giả Mỹ, Virginia A. Hodgkinson và Murray S. Weitzman, năm 1992 trong tổ chức từ thiện tôn giáo nước Mỹ, hoạt động cứu tế người nghèo và cứu trợ các gia đình chiếm 92%, phục vụ y tế vệ sinh và sức khỏe chiếm 90%, triển khai hoạt động giao lưu quốc tế chiếm 74%, bảo vệ dân quyền chiếm 62%, cứu trợ nước ngoài chiếm 60%, làm giáo dục chiếm 53%, ủng hộ văn hóa nghệ thuật chiếm 50%, phục vụ lương thực thực phẩm chiếm 50%, quan tâm công lí xã hội chiếm 34%, bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ chiếm 25%, giúp đỡ về nhà ở chiếm 20%, ngoài ra còn một số phương thức hoạt động từ thiện khác nữa⁽²⁰⁾.

Ngoài những phục vụ xã hội và cơ cấu từ thiện kể trên, đoàn thể tôn giáo địa phương còn có những cơ cấu phục vụ nhằm thẳng vào một số vấn đề đặc thù của giáo xứ hoặc khu dân cư. Nhà thờ, hội đường, lễ bái đường và những thiết bị cơ sở đi kèm với nó của giáo hội địa phương, v.v... bản thân chúng thường là những trung tâm tụ hội hoạt động của dân cư trong khu vực.

Kết quả việc triển khai hoạt động phục vụ xã hội lâu dài với quy mô lớn của tổ chức tôn giáo đã giải quyết được những khó khăn có thể nói khá nan giải của nhiều gia đình và cá nhân, đã thúc đẩy sự phát triển của địa phương, ở một mức độ nhất định đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội, giảm bớt những căng thẳng mâu thuẫn của xã hội. Đây là “hiệu quả xã hội” mà đoàn thể tôn giáo tạo nên sau khi tiến hành sử dụng tổng hợp vốn xã hội, cũng có thể nói là “hiệu quả cụ thể” của đoàn thể tôn giáo. Kết quả này được các giới trong xã hội khẳng định mạnh mẽ. Nhà xã hội học Mỹ, Nancy T. Ammerman cho rằng, giáo hội là “ngọn nguồn của vốn xã hội”, là “con đường quan trọng cho việc tham dự vào trật tự xã hội càng rộng lớn hơn”. William A. Galston, thành viên Hội đồng Khôi phục các thành phố cổ trên toàn nước Mỹ cho rằng, tổ chức tôn giáo là “trụ cột của xã hội văn

minh”, trong quá trình cải tạo các thành phố cũ ở Philadelphia, Detroit, Chicago, Atlanta và Los Angeles, v.v... họ có vai trò rất quan trọng. Phục vụ xã hội của tổ chức tôn giáo đã “tác động đến quá nửa dân số nước Mỹ”. Nó đặc biệt quan trọng đối với những người có thu nhập thấp, trình độ giáo dục thấp, cũng có nghĩa là những người không có thể tham gia vào các đoàn thể nào khác⁽²¹⁾.

Đoàn thể tôn giáo thông qua việc sử dụng vốn xã hội của mình để phục vụ xã hội, sáng tạo ra “giá trị hiện thực”, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, đồng thời nó cũng còn sáng tạo ra những “giá trị tiềm ẩn”. So với “giá trị hiện thực”, “giá trị tiềm ẩn” còn có ý nghĩa càng quan trọng hơn, đặc thù hơn đối với sự tồn tại và phát triển của tổ chức tôn giáo. Nói “giá trị tiềm ẩn” ở đây là muốn nói đến việc tổ chức giáo hội thông qua triển khai phục vụ công ích xã hội một cách rộng lớn và mạnh mẽ, đã làm gia tăng sự hiện diện của tổ chức tôn giáo trong các công việc công cộng xã hội, đã mở rộng ảnh hưởng chính diện của tôn giáo trong xã hội, đã phát triển mạng lưới xã hội các quan hệ giao tiếp cộng đồng trên cơ sở tình cảm cá nhân và gia đình, về tổng thể, tự nhiên là đã nâng cao được địa vị xã hội của tôn giáo và tổ chức tôn giáo, làm tăng

20. Lester M. Salamon. *America's Noprofit Section* (New York: The Foundation Center, 1999) 2nd. p. 154.

21. Donald M. Bishop. *Địa vị tôn giáo trong xã hội nước Mỹ*, tr. 25, Tạp chí “Giao Lưu”, số 1 năm 2000.

thêm vốn xã hội mới cho đoàn thể tôn giáo, từ đó thực hiện được việc tăng trưởng vốn xã hội của đoàn thể tôn giáo. Cái phần “hiện thực hóa” này tuy là kết quả của việc “tiêu hao” vốn xã hội của đoàn thể tôn giáo, nhưng do nó là sản phẩm phụ của việc đoàn thể tôn giáo tiến hành phục vụ xã hội, người thụ hưởng và người đánh giá lại là bản thân đoàn thể tôn giáo, cho nên nói chung không dễ bị người ta phát hiện, thường thường không được người ta chú ý đến, chính vì thế, việc thúc đẩy vốn xã hội của đoàn thể tăng trưởng đến một mức độ lớn nhất chính là động cơ căn bản nhất làm cho đoàn thể tôn giáo triển khai phục vụ xã hội. Đối với giáo hội và đoàn thể tôn giáo mà nói, bất luận là làm việc gì, triển khai hoạt động gì, quy cho đến cùng vẫn là phải phát triển giáo hội, làm cho lực lượng tôn giáo lớn mạnh.

Do đối tượng của hoạt động từ thiện và phục vụ xã hội của đoàn thể tôn giáo Mỹ không nhất định đều là tín đồ tôn giáo, bởi thế, mỗi một hạng mục phục vụ công ích có sử dụng vốn xã hội đoàn thể tôn giáo, thì đồng thời cũng đều góp phần vào sự phát triển của tôn giáo, đều làm cho tăng trưởng vốn xã hội đoàn thể tôn giáo.

Hiệu quả tăng trưởng của vốn xã hội đoàn thể tôn giáo là không ngừng cung cấp một đội ngũ những người theo đuổi và ủng hộ tôn giáo một cách công khai hay tiềm ẩn cho giáo hội và đoàn thể tôn giáo. Nguồn vốn mới này chủ yếu đến từ những cá nhân hay tập thể được hưởng lợi ích trong các hạng mục sự nghiệp từ thiện xã hội của đoàn thể tôn giáo. Đoàn thể tôn giáo thường lấy những người ủng hộ và theo đuổi tôn giáo một cách công khai hay tiềm tàng này làm đối tượng, phát động hết lần này đến lần khác để thu hút nguồn vốn, phát triển hoạt động mạnh mẽ hơn của giáo hội. Sự sử dụng và phát triển vốn xã hội đoàn thể tôn giáo chính là được vận hành theo mô thức như vậy, không ngừng lặp lại, tuần hoàn liên tiếp vòng này đến vòng khác. Đoàn thể tôn giáo và giáo hội khi sử dụng vốn xã hội của mình phục vụ xã hội, thì đồng thời cũng làm cho mình trở thành người hưởng lợi lớn nhất sự tăng trưởng vốn xã hội tôn giáo.

(Kì sau đang tiếp)

Người dịch: Trần Nghĩa Phương
Viện Nghiên cứu Tôn giáo